

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2024**  
**đối với xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	QH: Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Ban hành quy chế QLXD tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Bê tông hóa (0,64/0,64) km Chiều rộng mặt đường từ 3,5m, chiều rộng nền đường 5,0m; cấp B	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 100%	Bê tông (6,22/6,22) km (100%) Chiều rộng mặt đường từ 3,0m, chiều rộng nền đường 4,0m; cấp B	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (70% được cứng hóa)	Bê tông (4,764/4,764)km, Chiều rộng mặt đường từ 3,0m, chiều rộng nền đường 4,0m; cấp B	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥ 70%	Bê tông (9,17/12,154)km, mặt đường rộng 3,0 mét. Đảm bảo vận chuyển hàng hóa	Đạt

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	DT gieo trồng 131,5 ha Tưới 114,8 ha (87,3%) Tiêu 114,8 ha (87,3%)	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	BCH QĐ số 142/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 Đội XK QĐ số 162/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	34,163 km, 2 TBA	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	889/904 hộ sử dụng điện TX và an toàn	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	≥80%	MN: 02 điểm, Đạt TH: 02 điểm; đạt 100% THCS: 01 điểm, Đạt 3/3 trường đạt chuẩn	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	HT NHV ĐN: 730m <sup>2</sup> , ≥200 chỗ ngồi KTT (SVĐ) 8.826,7m <sup>2</sup>	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	4/4 thôn có NVH và KTT	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển, định hướng phát triển và đạt chuẩn theo quy định hoặc có siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp theo quy định	Đạt	Chợ Vĩnh Hảo có S= 1.505,6m <sup>2</sup> , 40 lô nhà lều	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Có điểm bưu điện VH xã	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Có 04 trạm viễn thông di động và dịch vụ internet băng thông rộng	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	4/4 thôn có hệ thống loa hoạt động (18 cụm loa)	Đạt

		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành	Đạt	HSMT: 19/19 CB, CC (100%) Có kết nối internet Có sd hệ thống VPĐT và HTĐT công vụ HS DVC TT 509/585 HS (87%)	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không có nhà tạm	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	≥70%	723/723 nhà ở kiên cố	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2024 ( <i>triệu đồng/người</i> )	≥50	52,124 triệu/người/năm	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	≤5%	Hộ nghèo đa chiều 3,82%	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 75%	1.443/1.887 lao động (76,47%)	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥25%	580/1.887 lao động (30,73%)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Có 01 HTX KD DV NN, năm 2022, 2023 xếp loại khá	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	SP chủ lực: sản phẩm Gà thịt. Có liên kết với các đơn vị thu mua, chế biến trong tỉnh	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Truy xuất nguồn gốc SP cá Đìa hồng (SP OCOP 3 sao - QĐ 4491/QĐ-UBND ngày 28/12/2022)	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Không có làng nghề	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Có thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, QĐ số 352/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 Quy chế hoạt động: QĐ số 353/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	Đạt

14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	Đạt PCGDMN mức độ 3; Xóa mù chữ mức độ 2; PCGDTH mức độ 3; GDTHCS mức độ 3. TE vào lớp 1: 100% TT HTCD 2022, 2023: Tốt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥70%	38/39 HS, tỷ lệ 97,4%.	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ)	≥90%	2.907/2.963 người đạt: 98,11%.	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	QĐ số 4165/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 duy trì theo QĐ số 126/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh Bình Định; BC số 431/BC-UBND ngày 03/10/2024 của UBND huyện, đạt: 92 điểm	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤24,2%	Năm 2023: 10,94%.	Đạt
		15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	≥50%	1.665/2.963 người (56,19%) và 1.856/2.963 người (62,63%)	Đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	4/4 thôn đạt văn hóa QĐ số 694/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥45% (≥25% từ hệ thống cấp nước tập trung)	HVS (100%) NS từ HTCNTT 557/904 hộ 61,6%	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥95%	51/53 CS không thuộc diện lập HS MT 1/53 CS lập HSMT cấp tỉnh, 01/53 CS lập HSMT cấp huyện. Đã có HSMT được phê duyệt	Đạt

17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đã ban hành quy định về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng và kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ	Đạt
17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2$	Diện tích đất cây xanh bình quân 22.500 m <sup>2</sup> ; bình quân đầu người 7,59 m <sup>2</sup> /người	Đạt
17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đã ban hành quy chế quản lý nghĩa trang nhân dân, QĐ số 07/QĐ-UBND ngày 28/07/2023	Đạt
17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định 75%	$\geq 75\%$	Đã ban hành phương án thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn. 706/894 hộ đạt 78,97%	Đạt
17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch <sup>3</sup>	100%	Ban hành kế hoạch quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật. KH số 48/KH-UBND ngày 08/6/2024; 100% chất thải được thu gom.	Đạt
17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 85\%$	894/894 hộ, đạt 100%.	Đạt
17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	81,80%	Đạt
17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	đạt 100%	Đạt
17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	420/894 hộ, đạt 46,97%	Đạt
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	13,04/18,48 tấn, 70,56%	Đạt

18	<b>Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật</b>	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	UBND xã có 19 cán bộ, công chức. Trong đó, trình độ học vấn 12/12: 19 người; trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 01 người; trung cấp 16 người, sơ cấp 02 người. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Trung cấp 01 người, đại học 18 người; thạc sỹ 01 người; bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính 18 người.	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	QĐ 1366/QĐ-HU ngày 16/01/2024 QĐ 3416/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	- MTTQVN XL xuất sắc: 114/TB-MTTQ-BTT ngày 13/11/2023 - HND XL Tốt: 11-TB/HNDH ngày 06/11/2023 - HLHPN XL xuất sắc: 13/TB-BTV ngày 20/11/2023 - ĐTN xếp loại tốt: 15-QĐ/ĐTN ngày 04/11/2023 - HCCB XL xuất sắc: 16/QĐ-CCB ngày 21/11/2023; - Công đoàn cơ sở xã xếp loại tốt: 11/QĐ-LĐLĐ ngày 10/11/2023.	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định	Đạt	QĐ: 44/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Có 3 cán bộ nữ trong BTV PN tham gia MH giảm nghèo 32,9% Có nhà TLCĐ tại Trạm Y tế 01 CB làm công tác BVTE Không có trẻ em bị xâm hại	Đạt

		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đã ban hành và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới KH: 46/KH-UBND ngày 30/5/2023	Đạt
19	<b>Quốc phòng và An ninh</b>	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	LL dân quân vững mạnh, rộng khắp	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm Đảng ủy có NQ, UB có KH.</li> <li>- Không để xảy ra các hoạt động quy định tại điểm a,b,c,d,đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA</li> <li>- Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc các tội xâm hại về trẻ em.</li> <li>- Xảy ra 02 vụ PPHS: 01 vụ cưỡng đoạt tài sản và trộm cắp tài sản (giảm 01 vụ); 01 vụ TNGT, chết 01 người (giảm 1 vụ), So với cùng kỳ năm 2023 giảm</li> <li>- Có 07 mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.- Xã không thuộc trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự.</li> <li>- Tập thể tiên tiến (theo Tờ trình số 162/TTr-CAH-TH ngày 08/11/2023; 03/04 đề nghị tặng Danh hiệu " Chiến sỹ tiêu biểu" năm 2023.</li> </ul>	Đạt